

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 209/QĐ-UBND

Khánh Hoà, ngày 11 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Kết luận số 57-KL/TW ngày 03 tháng 11 năm 2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX);

Căn cứ Chỉ thị số 1971/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân tộc thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại công văn số 206/BDT ngày 05 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VP Chính phủ (b/c);
- Ủy ban Dân tộc (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VP. HĐND & ĐBQH tỉnh;
- Báo KH, Đài PTTH KH;
- TT Công thông tin điện tử KH;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, HP, HLe.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Lê Đức Vinh

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3097/QĐ ngày 11 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích:

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chính sách, chương trình, dự án ở vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2011 - 2015; ưu tiên đảm bảo nguồn lực để thực hiện các chính sách dân tộc trong năm 2014 - 2015. Chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các chính sách, chương trình, dự án trên địa bàn miền núi của tỉnh; nhất là các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

2. Yêu cầu:

a. Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành trong việc xây dựng các đề án, chính sách theo các mục tiêu cơ bản, dài hạn, ổn định và giảm đầu mỗi quản lý; tập trung ưu tiên các lĩnh vực: Phát triển cơ sở hạ tầng, giáo dục, đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao khoa học công nghệ, hỗ trợ tín dụng, phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp, khuyến khích thu hút đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Hạn chế dân các chính sách hỗ trợ cho không, chuyển mạnh sang cơ chế ưu đãi, hỗ trợ các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất và đời sống, khuyến khích đồng bào vươn lên thoát nghèo.

b. Các cấp, các ngành, các địa phương đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, chương trình, dự án phù hợp tình hình thực tế và khả năng cân đối nguồn lực, bảo đảm tính khả thi, tránh chồng chéo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc, miền núi theo hướng phát triển nhanh, bền vững, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ đã được phân công tại Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

2. Tiếp tục quán triệt, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kết luận số 57-KL/TW ngày 03 tháng 11 năm 2009 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc; Chỉ thị số 1971/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác

dân tộc thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 và Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thể chế hóa những quan điểm ưu tiên thành cơ chế, chính sách cụ thể. Xây dựng cơ chế điều phối, phối hợp hiệu quả giữa Ban Dân tộc với các sở, ngành, địa phương trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc.

4. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chính sách, chương trình, dự án ở vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2011-2015; ưu tiên đảm bảo nguồn lực để thực hiện các chính sách dân tộc trong năm 2015. Chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các chính sách, chương trình, dự án trên địa bàn miền núi, nhất là vùng đặc biệt khó khăn.

5. Tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, chương trình, dự án phù hợp tình hình thực tế và khả năng cân đối nguồn lực, bảo đảm tính khả thi, tránh chồng chéo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc, miền núi theo hướng phát triển nhanh, bền vững. Xây dựng các đề án, chính sách theo các mục tiêu cơ bản, dài hạn, ổn định và giảm đầu mối quản lý; tập trung ưu tiên các lĩnh vực: Phát triển cơ sở hạ tầng, giáo dục, đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao khoa học công nghệ, hỗ trợ tín dụng, phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp, khuyến khích thu hút đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Hạn chế dần các chính sách hỗ trợ cho không, chuyển mạnh sang cơ chế ưu đãi, hỗ trợ các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất và đời sống, khuyến khích đồng bào vươn lên thoát nghèo bền vững.

6. Việc triển khai các chính sách, dự án đầu tư vào vùng dân tộc và miền núi giai đoạn tới thực hiện theo hướng đầu tư trung hạn. Đổi mới phương thức tổ chức thực hiện chính sách thông qua kết nối các chính sách hiện hành trong dự án, mô hình sản xuất phải phù hợp với từng phạm vi quy mô xã, thôn, nhóm hộ, bảo đảm thiết thực và hiệu quả.

7. Tăng cường hợp tác, thu hút các nguồn lực vốn đầu tư, khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm của các nước, các tổ chức quốc tế, tập thể, cá nhân ở nước ngoài hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho vùng dân tộc thiểu số, góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc; từng bước hình thành các trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học vùng dân tộc thiểu số; phát triển nguồn nhân lực và đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc và bảo đảm ổn định an ninh, quốc phòng.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1. Ban Dân tộc:

a. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ sử dụng kết quả nghiên cứu của các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS và miền núi, phục vụ việc xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực có lợi thế gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm của vùng đồng bào DTTS và miền núi.

b. Nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách hỗ trợ có điều kiện với cơ chế ưu đãi, khuyến khích đồng bào tự lực vươn lên xóa đói giảm nghèo, để từng bước thay thế các chính sách hỗ trợ trực tiếp và cho không.

c. Phối hợp với các sở, ngành trong việc xây dựng, phân bổ nguồn lực và thực hiện chính sách dân tộc. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các địa phương theo dõi, đánh giá sự phát triển của vùng dân tộc, miền núi hàng năm và 5 năm.

d. Đánh giá cụ thể, toàn diện việc thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn và đề xuất giải pháp cụ thể.

e. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a. Rà soát, hoàn chỉnh các chính sách về đầu tư theo hướng ưu tiên hỗ trợ vùng dân tộc và miền núi và gắn với kế hoạch đầu tư trung hạn.

b. Xây dựng tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên cơ sở lượng hóa các yếu tố đặc thù của vùng dân tộc, miền núi.

c. Nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi bổ sung Luật Đầu tư theo hướng tạo điều kiện ưu đãi nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào vùng dân tộc, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Phối hợp với các nhà tài trợ, các địa phương thu hút nguồn vốn ODA vào vùng dân tộc, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

3. Sở Tài chính:

a. Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng cơ chế quản lý sử dụng các nguồn vốn thực hiện chính sách, chương trình, dự án phù hợp với điều kiện vùng dân tộc và miền núi.

b. Ưu tiên cân đối các nguồn vốn cho thực hiện các chính sách dân tộc.

c. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả các nguồn vốn.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành nghiên cứu, xây dựng chính sách ổn định dân cư. Chỉ đạo lồng ghép công tác xóa đói giảm nghèo, phát triển cơ sở hạ

tăng thiết yếu ở các vùng khó khăn để ổn định dân cư, đồng thời chủ động kế hoạch hậu tái định cư các vùng đưa người dân đến.

b. Ưu tiên bố trí nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để xây dựng các công trình nước sinh hoạt cho vùng dân tộc và miền núi.

c. Xây dựng cơ chế hỗ trợ đồng bộ về giống cây, con, chi phí chuồng trại, vốn và các vật tư khác; chú trọng phát triển mô hình sản xuất, kinh doanh, chế biến tiêu thụ sản phẩm có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện từng vùng.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a. Phối hợp với các sở, ngành liên quan tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách giảm nghèo nói chung và giảm nghèo đối với vùng dân tộc và miền núi. Rà soát, tham mưu để hoàn thiện chính sách hỗ trợ học nghề, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trong đó ưu tiên các đối tượng người nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc các huyện miền núi, xã, thôn đặc biệt khó khăn.

b. Phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các chương trình dự án về giảm nghèo, dạy nghề cho đồng bào các địa phương vùng dân tộc thiểu số, vùng miền núi đặc biệt khó khăn; hướng dẫn lồng ghép nguồn lực của các chương trình, dự án trên địa bàn; đẩy mạnh các hình thức huy động nguồn lực từ cộng đồng, doanh nghiệp để thực hiện mục tiêu giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a. Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan quy hoạch và bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

b. Đẩy mạnh thực hiện các đề án cải tạo hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, chú trọng tập trung cho vùng dân tộc và miền núi thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai.

c. Tăng cường quản lý khai thác khoáng sản ở vùng dân tộc và miền núi, không cấp phép đối với các hoạt động, dự án gây ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống đồng bào và môi trường sinh thái.

7. Sở Nội vụ:

a. Nghiên cứu, tham mưu thực hiện chính sách đào tạo, quy hoạch, sử dụng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị phù hợp tình hình thực tế của tỉnh Khánh Hòa.

b. Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách ưu đãi trong việc đào tạo, quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số ít người và các dân tộc hiện có ít cán bộ.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đẩy mạnh công tác xóa mù chữ và tái mù chữ trong vùng dân tộc và miền núi.

b. Nghiên cứu kiến nghị sửa đổi Nghị định số 134/2006/NĐ-CP về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

c. Nghiên cứu, đề xuất việc mở rộng loại hình trường bán trú, chính sách học liên thông giữa hệ nội trú bậc Trung học cơ sở với hệ nội trú bậc Trung học phổ thông, trường dạy nghề, cao đẳng; mở rộng loại hình dự bị đại học; chính sách đặc thù đối với học sinh, sinh viên là con em đồng bào các dân tộc thiểu số rất ít người.

9. Sở Y tế:

a. Rà soát, nghiên cứu, tham mưu bổ sung chính sách đào tạo nguồn nhân lực y tế cho vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn theo chế độ cử tuyển; thực hiện chính sách đặc thù đối với cô đỡ thôn.

b. Tiếp tục đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất và cung cấp trang thiết bị cho các cơ sở y tế từ tuyến xã đến phòng khám đa khoa khu vực và bệnh viện huyện.

c. Triển khai thực hiện chế độ khám, chữa bệnh cho hộ nghèo người dân tộc thiểu số vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với đồng bào dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và cận nghèo vùng khó khăn, nhất là các dân tộc thiểu số rất ít người đi khám, chữa bệnh. Xây dựng chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng khó khăn sinh con đúng chính sách dân số.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách do tỉnh ban hành hoặc tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Trung ương, hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước để bảo tồn, phát huy văn hóa của các DTTS, trong đó chú trọng các dân tộc rất ít người có nguy cơ bị mai một bản sắc; quy hoạch, bảo tồn phát triển làng văn hóa gắn với du lịch, ưu tiên xây dựng, phát triển các loại hình du lịch có sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số, đồng thời hỗ trợ, bảo vệ giữ gìn môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa.

b. Hướng dẫn các địa phương nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống công trình văn hóa ở cơ sở; tăng cường các hình thức, nội dung hoạt động giao lưu văn hóa, bài trừ tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu, đẩy mạnh phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng nếp sống văn minh trong vùng dân tộc phù hợp đặc thù từng vùng, miền.

c. Đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao và hỗ trợ các hoạt động thể dục thể thao cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

11. Sở Công Thương:

a. Tập trung đầu tư phát triển hệ thống điện cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, chú trọng các vùng di dân tái định cư thủy điện, thủy lợi.

b. Xây dựng chương trình phát triển thương mại vùng dân tộc và miền núi theo hướng ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ tiếp cận thị trường, chính sách đặc thù hỗ trợ thương nhân kinh doanh tại vùng dân tộc, miền núi, mô hình gắn kết các chủ thể tham gia vào quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

12. Sở Giao thông vận tải:

Tập trung nguồn lực phát triển hệ thống đường giao thông, cầu treo dân sinh vùng dân tộc và miền núi.

13. Sở Xây dựng:

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, ưu tiên cho đối tượng là hộ dân tộc thiểu số. Xây dựng quy hoạch thôn vùng dân tộc, miền núi theo tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

14. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khánh Hòa:

Phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tín dụng áp dụng cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

15. Công an tỉnh:

Tăng cường các biện pháp giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; kiên quyết đấu tranh với các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để chống phá sự nghiệp phát triển đất nước; đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội khác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đẩy mạnh công tác xây dựng phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", công tác vận động và phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong vùng dân tộc thiểu số.

16. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; giúp dân xóa đói giảm nghèo, chú trọng đầu tư xây dựng các khu kinh tế quốc phòng, đảm bảo an ninh, giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, nhất là các địa bàn chiến lược, trọng điểm, khu vực hải đảo.

17. Sở Ngoại vụ:

Tăng cường hợp tác quốc tế với các địa phương nước ngoài, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là đối với các nước trong khu vực và láng giềng; tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc tới các nước, các tổ chức quốc tế có mối quan hệ hợp tác với tỉnh; phối hợp thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ công tác dân tộc; phối hợp vận động các địa phương kết nghĩa ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển hỗ trợ ODA, vốn vay ưu đãi cho vùng dân tộc và miền núi.

18. Sở Thông tin và Truyền thông:

Tăng cường nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền bằng các phương thức phù hợp với từng vùng, từng dân tộc và bằng tiếng dân tộc thiểu số bản địa; thực hiện tốt việc đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

19. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a. Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan quy hoạch và bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào thuộc đối tượng theo quy định.

b. Trên cơ sở hướng dẫn của cơ quan cấp trên, căn cứ vào điều kiện thực tế, các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chương trình, chính sách, dự án của địa phương mình;

c. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch của các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn theo trách nhiệm được giao;

d. Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi cơ quan chủ trì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân tỉnh theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh